

# RAI-3K-48ES-5G

Inverter Lưu Trữ Năng Lượng Solis



360 độ

## Đặc trưng:

- ▶ Cung cấp điện liên tục, phản ứng 20ms
- ▶ Tương thích với cả pin axit chì và pin li-ion
- ▶ Tương thích với mọi hệ thống quang điện hòa lưới hiện có, tùy chọn để nâng cấp
- ▶ Chức năng dự trữ năng lượng mặt trời độc lập
- ▶ Chức năng EPS
- ▶ Chức năng EMS thông minh
- ▶ Ứng dụng gỡ lỗi thông minh, hỗ trợ cấu hình inverter một cú nhấp chuột
- ▶ Nhiều chế độ làm việc khác nhau cho các trường hợp ứng dụng khác nhau
- ▶ Làm mát tự nhiên mà không cần quạt bên ngoài



## Mô hình:

RAI-3K-48ES-5G

## Bảng thông số

Mô hình	RAI-3K-48ES-5G
<b>Đầu ra AC (Phía lưới)</b>	
Công suất đầu ra định mức	3 kW
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa	3.3 kVA
Pha vận hành	1/N/PE
Điện áp lưới định mức	220 V / 230 V
Dải điện áp lưới	184-264 V
Tần số lưới định mức	50 Hz / 60 Hz
Dòng điện đầu ra lưới định mức	13.6 A / 13 A
Dòng điện đầu ra tối đa	20 A
Hệ số công suất	>0.99 (-0.8 -> + 0.8)
Tổng độ méo sóng hài	<3%
<b>Pin</b>	
Loại pin	Pin Li-ion / acquy lead acid
Dải điện áp pin	40-60 V
Dung lượng pin	50-2000 Ah
Công suất sạc tối đa	3 kW
Dòng điện sạc/ xả tối đa	60 A
Truyền thông	CAN
<b>Đầu ra AC (Ngõ dự phòng)</b>	
Công suất đầu ra định mức	3 kW (Yêu cầu điện áp pin cao hơn 55 V)
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa	4.5 kVA
Thời gian chuyển đổi dự phòng	<20 ms
Điện áp đầu ra định mức	1/N/PE, 220 V / 230 V
Tần số định mức	50 Hz / 60 Hz
Dòng điện đầu ra định mức	13.6 A / 13 A
Độ méo sóng hài điện áp (tải tuyến tính)	<3%
<b>Đầu vào AC (phía lưới)</b>	
Dải điện áp đầu vào	184-264 V
Dòng điện đầu vào tối đa	32 A
Dải tần số	45-55 Hz / 55-65 Hz
<b>Hiệu suất</b>	
Hiệu suất sạc pin tối đa	94.0%
Hiệu suất xả pin tối đa	94.5%
<b>Bảo vệ</b>	
Bảo vệ ngược cực pin	Có
Bảo vệ quá điện áp và thiếu điện áp pin	Có
Bảo vệ ngắn mạch	Có
Bảo vệ quá dòng đầu ra	Có
Bảo vệ nhiệt độ	Có
<b>Thông số chung</b>	
Kích thước (Rộng* Cao* Sâu)	405*510*150 mm
Trọng lượng	12.1 kg
Cấu trúc liên kết	Cách ly tần số cao
Dải nhiệt độ môi trường vận hành	-25 ~ +60°C
Bảo vệ xâm nhập	IP65
Cách thức làm mát	Đối lưu tự nhiên
Độ cao so với mực nước biển tối đa để hoạt động	2000 m
Tiêu chuẩn kết nối lưới điện	G98 or G99, VDE-AR-N 4105/VDE V 0124, EN 50549-1, VDE 0126/UTE C 15/VFR:2019, RD 1699/RD 244/UNE 206006/UNE 206007-1, CEI 0-21, C10/11, NRS 097-2-1, TOR, EIFS 2018.2, IEC 62116, IEC 61727, IEC 60068, IEC 61683, MEA, PEA
Tiêu chuẩn an toàn/EMC	IEC 62477, EN 61000-6-2/-3
<b>Đặc trưng</b>	
Kết nối DC	Thiết bị đầu cuối trực vít
Kết nối AC	Thiết bị đầu cuối kẹp vít (tối đa 6 mm <sup>2</sup> )
Hiển thị	LCD
Truyền thông	RS485,CAN, Tùy chọn: Wi-Fi, GPRS